

## VĂN MẪU LỚP 12

### PHÂN TÍCH TÍNH CHÍNH LUẬN MẪU MỤC CỦA BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

#### BÀI MẪU SỐ 1:

Hồ Chí Minh là một vĩ lãnh tụ thiên tài của đất nước Việt Nam, những tác phẩm của ông đều mang giá trị sâu sắc của một bài văn chính luận mẫu mực, bởi bác là người viết ra với tư cách là một người luôn ý thức được những bài văn của mình, giá trị của những bài văn bác viết mang đậm giá trị to lớn của những lời tố cáo đanh thép đối với kẻ thù, và bài Tuyên Ngôn độc lập là một bài mang đậm chuẩn mực giá trị trong phong cách viết của bác.

Tuyên Ngôn độc lập là một bài văn chính luận mẫu mực khi bác luôn ý thức được trong bài là viết ra để cho dân tộc, đây là một bằng chứng thép để tố cáo tội ác của kẻ thù, những năm tháng kháng chiến gian khổ, giờ đây nhân dân Việt Nam đã được những giây phút tự do để có thể mang lại những khoảng không gian hòa bình cho dân tộc Việt Nam. Đây là một vũ khí sắc bén để chúng ta đối phó với kẻ thù. Trong bầu không khí trang trọng của tiết trời mùa thu ngày mùng 2 tháng 9 bác đã đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Bài văn của Hồ Chí Minh mang đậm tính chất của một bài văn chính luận bởi vì những lý lẽ mà người viết ra rất xác thực, văn phong ngắn gọn và mang đậm giá trị về sự sống và các tính chất cho mỗi con người, mỗi chúng ta đều có thể thấy điều đó qua cách dẫn dắt và nó ăn sâu vào trong tâm trí của mỗi người Việt Nam.

Trong bài bác xác định rõ đối tượng viết của mình là đồng bào dân tộc, mở đầu bài văn này, bác đã dùng những từ mang đậm tính chất rằng đối tượng ở đây chắc chắn phải là nhân dân: Hỡi đồng bào cả nước, mục đích của bản tuyên ngôn này là tuyên bố lý do, nhưng khi nhìn sâu vào trong bài này chúng ta có thể thấy đối tượng ở đây không chỉ là nhân dân Việt Nam mà còn dành cho nhiều người trên khắp thế giới, khi trong bản tuyên ngôn của Việt Nam cũng chưa đựng những bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của nước Pháp và Mĩ, khi đối với hai cường quốc đầu xỏ này thì việc trích dẫn vào nó mang một ý nghĩa to cáo mạnh mẽ.

Tuyên ngôn dân quyền là nhắc đến việc bình đẳng, bác ái, mỗi người đều có thể thấy rằng việc trích dẫn này có ý nghĩa rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc có sự tự do cao và luôn đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu. Trong bản tuyên ngôn độc lập sự tự do và đề cao tư tưởng nhân dân luôn luôn được chú trọng, những điều đó mang đậm giá trị cốt lõi trong bản tuyên ngôn. Nhân dân Việt Nam đã trải qua một thời kì gian nan khi phải đối đầu với những

kẻ thù sùng xỏ, và cường quốc, nhưng điều đó không ảnh hưởng lớn đến mỗi người, khi bản tuyên ngôn đã thấm đẫm mà mang giá trị sống mạnh mẽ cho mỗi người.

Bác đã dẫn chứng ra rất nhiều điều đáng quý và nó nhằm nêu lại những năm tháng đấu tranh gian nan để có thể dành được độc lập tự do cho dân tộc, mỗi chúng ta đều có quyền hành như nhau, và ai ai cũng đều có quyền bình đẳng đúng như trong tuyên ngôn đã khẳng định. Ngoài mang ý nghĩa khẳng định nền độc lập của dân tộc thì bản tuyên ngôn cũng mang đậm giá trị tố cáo tội ác của kẻ thù. Với những lý lẽ rất thuyết phục nó đã mang đậm giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam, những lời lẽ mang tính đanh thép đó đã khắc sâu trong tâm trí của mỗi con người.

Bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam đã mang đậm giá trị nhân văn và tố cáo tội ác của kẻ thù những điều đó để lại cho mỗi người những niềm tin vững chắc về một nền độc lập khi mỗi chúng ta đều có thể làm nên những điều có giá trị và ý nghĩa nhất. Bác Hồ đã khẳng định điều đó qua bản tuyên ngôn độc lập, những giá trị về niềm tin yêu thương và mang đậm giá trị khẳng định một nền độc lập cho dân tộc Việt Nam. Bản tuyên ngôn độc lập đã khẳng định được sự đanh thép trong mỗi người, những lời lẽ thuyết phục và mang giá trị đã khẳng định được sự sống còn và mang đậm niềm yêu thương cho mỗi người Việt Nam.

Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh có thể được coi như một bài văn chính luận sâu sắc bởi lý lẽ và văn phong xuất hiện trong tác phẩm này, đậm giá trị và mang nhiều những âm hưởng cao của cuộc sống con người.

Tuyên ngôn độc lập là một bài văn mang đậm giá trị tố cáo và lý lẽ sâu sắc trong cuộc đời của mỗi người, giá trị của nó không chỉ để lại những nỗi nhớ mong và sự sâu sắc trong tâm hồn của mỗi con người, hạnh phúc nhân dân Việt Nam là có một bài học có giá trị và cốt lõi như của dân tộc Việt Nam. Tuyên ngôn độc lập được coi như là một bài học có nhiều giá trị nhất cho mỗi con người, giá trị của nó để lại cho dân tộc mang sự tố cáo mạnh mẽ và sâu sắc nhất trong mỗi con người.

Mỗi chúng ta đều có thể thấy rằng giá trị của bản tuyên ngôn độc lập để lại cho dân tộc có ý nghĩa to lớn, bản tuyên ngôn độc lập mang đậm giá trị to lớn của dân tộc Việt Nam, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam đều có thể thấy đó là niềm yêu thương và sự tín nhiệm trong toàn thể dân tộc. Với những ngôn ngữ đậm chính luận, và sự kết hợp giữa chính trị và tư tưởng cốt lõi của dân tộc, nó đã phản ánh mạnh mẽ và sâu sắc nhất truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Bài văn này được viết lên không chỉ để cung cấp cho con người những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, mà nó còn mang đậm màu sắc về sự tố cáo, và sự cải tạo nhiều yếu tố mạnh mẽ của con người, biết bao nhiêu những hoàn cảnh bất hạnh và những giá trị đó đã cải tạo được sự sống và mang đậm chất nhân văn sâu sắc nhất cho mỗi người.

Đối tượng của bài văn này được chủ tịch Hồ Chí Minh làm nên một cách rõ ràng và chi tiết nhất, những giá trị đó luôn luôn mang những nền tảng tinh thần, và sự sống còn của đất nước Việt Nam. Với việc luôn có trách nhiệm với tinh thần của người cầm bút bác đã khẳng

định mạnh mẽ được giá trị về niềm tin, và sự uy nghiêm trong cuộc sống của mỗi con người. Và những điều mà bác Hồ khẳng định trong tác phẩm cũng luôn luôn khẳng định được một cách chi tiết và có ý nghĩa nhất: tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền mà không ai có thể xâm phạm được...

Những điều đó đã mang đậm tư tưởng cốt lõi trong tác phẩm của Hồ Chí Minh, người luôn luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với dân tộc và điều đó cũng ảnh hưởng đến cuộc sống và tinh thần của mỗi con người, nên yêu thương và trân trọng những tư tưởng sống và tinh thần sống mạnh mẽ của dân tộc điều đó làm nên những trang sử sách vẻ vang, và mang đậm giá trị to lớn của cuộc sống này. Mỗi chúng ta đều có thể thấy được điều đó qua cách viết khoa học và đậm giá trị của Người, biết yêu thương và luôn là người có trách nhiệm với cây bút của mình.

Với lối viết khoa học và đậm chất chính luận, bài tuyên Ngôn độc lập đã mang những tư tưởng to lớn cho dân tộc và để lại cho mỗi người những cảm xúc sâu sắc và đáng quý nhất.

## BÀI MẪU SỐ 2:

### 1. Tuyên ngôn Độc lập trước hết là một văn kiện chính trị, lịch sử

Tuyên ngôn Độc lập đối với dân tộc Việt Nam là một văn kiện có ý nghĩa chính trị, lịch sử to lớn. Nó khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc, tư thế và chủ quyền của nhân dân đối với đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền ấy: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Tuyên ngôn Độc lập được một người soạn thảo, nhưng đó là tiếng nói của cả một dân tộc, quốc gia, của một chính phủ: [ ] Chúng tôi, lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố ; Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng Do đó, Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện của cả quốc gia.

### 2. Tuyên ngôn Độc lập là áng văn chương mẫu mực của thời đại

2.1 Tuyên ngôn Độc lập tuy là văn kiện chính trị, chứa đựng những nội dung chính trị, nhưng đây không phải là tác phẩm khô khan, trừu tượng. Về hình thức, đây là tác phẩm thuộc thể văn chính luận. Đặc trưng của văn chính luận là hệ thống lập luận chặt chẽ, với những lí lẽ sắc bén và những bằng chứng thuyết phục

2.2 Tuyên ngôn Độc lập có hệ thống lập luận chặt chẽ, với những lí lẽ sắc bén, những bằng chứng thuyết phục.

- Tuyên ngôn Độc lập nhằm khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. Nhưng trong hoàn cảnh Tuyên ngôn Độc lập ra đời, lời khẳng định đó không đơn thuần là một sự tuyên bố. Trái lại, để có ngày Quốc Khánh 02/09/1945, nhân dân ta đã phải làm một cuộc tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền từ tay thực dân, đế quốc. Và, con đường của dân tộc đang đứng trước biết bao thử thách khắc nghiệt. Bởi vậy, Hồ Chí Minh phải tranh luận, phản bác với những luận điệu của kẻ thù hòng phủ nhận quyền độc lập tự chủ đó.

- Trước hết, Hồ Chí Minh xây dựng một cơ sở pháp lí của chủ quyền dân tộc Việt Nam. Cơ sở ấy là hai bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mĩ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp được tác giả trích dẫn nội dung cốt lõi: Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc (tuyên ngôn của nước Mĩ) và Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi (tuyên ngôn của nước Pháp). Từ những nguyên tắc ấy, Hồ Chí Minh suy rộng ra rằng Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do và khẳng định đó là những lẽ phải không ai chối cãi được. Như vậy, trích dẫn tuyên

ngôn của các nước, Hồ Chí Minh nêu lên quyền độc lập tự do của các dân tộc, trong đó có dân tộc Việt Nam, là lẽ phải trong quan hệ quốc tế. Lẽ phải ấy không phải do người Việt Nam nghĩ ra, mà chính là do các nước lớn đó xác lập.

- Tiếp đến, Hồ Chí Minh đưa ra cơ sở thực tế của chủ quyền dân tộc Việt Nam:

+ Thực dân Pháp đã chiếm lấy đất nước ta trên 80 năm và hiện giờ, đang lăm le tái chiếm. Để dọn đường cho cuộc xâm lược mới, chúng chuẩn bị dư luận, rêu rao về quyền của chúng ở Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung. Bởi vậy, để khẳng định chủ quyền của dân tộc, phải phủ nhận quyền của thực dân Pháp đối với Việt Nam. Hồ Chí Minh phủ nhận bằng cách chứng minh ngược lại những lời rêu rao của chúng.

Về chính sách khai hóa, thực dân Pháp luôn kể công của mình đối với Việt Nam cũng như các nước thuộc địa, xem đây là công cuộc khai hóa, đem lại ánh sáng văn minh. Trước đây, trong tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bản chất xấu xa, vô nhân đạo của chính sách khai hóa ấy. Ở đây, trong phạm vi của một bản Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh khái quát thành năm tội ác về chính trị của thực dân Pháp.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Tội ác về kinh tế của thực dân Pháp đối với Việt Nam cũng được Hồ Chí Minh vạch trần, rất khái quát, đầy đủ:

Về kinh tế, chúng bóc lột nhân dân ta đến tận xương tủy, khiến cho nhân dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Về chính sách bảo hộ: Thực dân Pháp luôn kể công với người Việt Nam và hết sức tuyên truyền với thế giới về sự bảo hộ của chúng ở Đông Dương. Tuyên ngôn Độc lập vạch trần đầy không phải là công, mà là tội:

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta cho Nhật ( ) Ngày 9 tháng

3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy, hoặc là đầu hàng.

Thế là đã rõ, chẳng những chúng không bảo hộ được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng ta đã bán nước ta hai lần cho Nhật. Không những thế, vì sự bỏ mặc Đông Dương, đầu hàng phát xít Nhật, thực dân Pháp đã khiến dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến

Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói.

Khi vạch trần thực chất việc bảo hộ Việt Nam của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh còn gián tiếp chỉ ra một tội lỗi rất lớn của chúng. Đó là đầu hàng phát xít Nhật, phản bội Đồng minh!

Với những luận chứng rõ ràng, rành mạch đã đưa ra, thực dân Pháp đã không còn quyền gì đối với Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng.

+ Khẳng định dân tộc Việt Nam có quyền trên đất nước mình. Để khẳng định quyền ấy, Hồ Chí Minh đưa ra ba luận chứng:

Trái với thủ đoạn vô nhân đạo của thực dân Pháp, dân tộc Việt Nam mới là người bảo hộ đối với người Pháp: Đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thù, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ. Nếu so sánh với cách đó không lâu, trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng thì sự thật càng rõ hơn ai bảo hộ cho ai, ai là kẻ phi nhân, ai giàu lòng nhân đạo.

Trước khi Nhật đến, Việt Nam là thuộc địa của Pháp. Nhưng từ mùa thu năm 1940, Việt Nam đã là thuộc địa của phát xít Nhật. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự thật là, dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa. Thực dân Pháp đâu còn quyền gì ở Việt Nam?

Pháp là quốc gia nằm trong khối Đồng minh, nhưng lại phản bội Đồng minh. Còn nhân dân Việt Nam, dưới lá cờ Việt Minh, đã tự nguyện đứng về phe Đồng minh, đánh đuổi kẻ thù của Đồng minh là phát xít Nhật.

Từ những cơ sở pháp lí và cơ sở thực tế hết sức đầy đủ, chặt chẽ, rõ ràng, Hồ Chí Minh đã đi đến tuyên bố độc lập. Lời tuyên bố ấy bao gồm:

+ Thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước với Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

+ Các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng quyết không thể không công nhận chủ quyền độc lập của dân tộc Việt Nam.

+ Dân tộc Việt Nam có quyền độc lập, tự do: Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Hệ thống lập luận của Tuyên ngôn Độc lập kết thúc ở đó, nhưng tác phẩm không dừng lại. Tinh thần độc lập, tự do của Tuyên ngôn Độc lập còn vang lên một lần nữa, mạnh mẽ hơn, khi hướng về tương lai, với ý chí mạnh mẽ của toàn dân tộc:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

### **2.3 Tuyên ngôn Độc lập chứa đựng tình cảm nồng nhiệt, tâm huyết của người viết.**

Khi Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, không ít người dân Việt đã khóc. Ngày nay, mỗi khi được nghe lại, đọc lại, nhiều người vẫn còn cảm xúc ấy. Điều ấy có được vì Tuyên ngôn Độc lập đã chứa đựng tình cảm nồng nhiệt, với bao tâm huyết của tác giả.

Lời văn Tuyên ngôn Độc lập có lúc vang lên chắc chắn, vững chãi khi tác giả trích dẫn những bản Tuyên ngôn của nước Mĩ, Pháp.

Đau đớn, căm giận khi kể tội giặc Pháp.

Sung sướng, tự hào với sức mạnh quật khởi của nhân dân khi đứng lên đánh đuổi phát xít Nhật, giành lấy chính quyền.

Quyết tâm sắt đá khi nói về việc bảo vệ quyền tự do và độc lập của dân tộc.

Chính vì chứa đựng rất rõ tình cảm, tâm trạng của người viết, một điều ít thấy ở văn bản chính luận nên Tuyên ngôn Độc lập không đơn thuần là một văn bản chính trị khô khan, thuần lí. Trong văn bản, đã có sự kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa lí và tình. Nhờ đó, Tuyên ngôn độc lập có một giọng điệu riêng, mà âm hưởng chính vẫn là hùng tráng, tự hào.

### **2.4 Tuyên ngôn Độc lập được viết bởi bàn tay điêu luyện của một bậc thầy về ngôn ngữ.**

Sự điêu luyện về ngôn ngữ thể hiện ở nhiều mặt, chủ yếu là:

Câu văn uyển chuyển, sinh động, theo nhịp của giọng điệu bản Tuyên ngôn Độc lập; có những câu đơn, nhưng phần lớn là câu phức, nhiều mệnh đề. Ví dụ, câu Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị là một câu phức nhưng hết sức ngắn gọn, mỗi mệnh đề đánh dấu một sự kiện, thể hiện được sự thay đổi mau lẹ của thời cuộc.

Sử dụng hàng loạt cấu trúc trùng điệp.



+ Trùng điệp về từ, ngữ: Dân ta Dân ta Chúng tôi Chúng tôi Một dân tộc Một dân tộc

+ Trùng điệp về câu: Chúng thi hành đã man; Chúng lập ba chế độ đoàn kết; Chúng lập ra nhà tù ; Chúng ràng buộc

+ Trùng điệp về nội dung theo chiều hướng tăng tiến ở nhiều cấp độ: Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Hoặc: Phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật, ( ) Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc đầu hàng.

Văn chính luận nhưng có nhiều hình ảnh: thẳng tay chém giết; tắm các cuộc khởi nghĩa bể máu; bóc lột đến xương tủy; nước ta xơ xác, tiêu điều; ngóc đầu lên; quỳ gối đầu hàng

### BÀI MẪU SỐ 3:

“Tuyên ngôn độc lập” (1945) của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời trong hoàn cảnh lịch sử đất nước nguy vong: chính quyền cách mạng còn non trẻ hải dương đầu với bao khó khăn chồng chất.

Bản tuyên ngôn phải đồng thời làm hai nhiệm vụ: vừa khẳng định nền độc lập của dân tộc, vừa phủ định lí lẽ bịp bợm của bọn thực dân cướp nước trước dư luận thế giới. Hiểu như thế mới thấy được vì sao HCM lại dùng những lí lẽ đanh thép, những lập luận chặt chẽ, những bằng chứng không thể chối cãi được để viết nên áng văn chính luận mẫu mực. Không chỉ vậy, văn kiện lập quốc này còn là tấm lòng yêu nước nồng nàn, niềm tự hào dân tộc mãnh liệt, sự khao khát độc lập tự do và ý chí quyết tâm bảo vệ tự do, độc lập của nhân dân Việt Nam ở HCM.

Khi HCM đọc bản tuyên ngôn thì ở phía Nam, thực dân Pháp núp sau lưng quân đội Anh đang tiến quân vào Đông Dương; còn ở phía Bắc 20 vạn quân Tưởng tay sai của đế quốc Mĩ đã chực sẵn ở biên giới. Vậy đối tượng của bản tuyên ngôn không chỉ là đồng bào cả nước, là nhân dân thế giới nói chung; mà trước hết là bọn thực dân, đế quốc đang âm mưu tái chiếm nước ta.

Bản tuyên ngôn đã giải quyết vấn đề bức thiết ấy với những lập luận chặt chẽ và đanh thép ngay từ phần mở đầu. HCM mở đầu bản tuyên ngôn bằng cách trích dẫn lời hai bản tuyên ngôn bất hủ của Mĩ và Pháp: “Tất cả mọi người đều sinh ra tự do và bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” (Tuyên ngôn độc lập của nước Mĩ); “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” (Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp). Bởi lẽ bấy giờ, tư tưởng tiến bộ của những nước lớn, nước tư bản đang có ảnh hưởng mạnh mẽ trên thế giới. Việc trích dẫn tuyên ngôn của hai nước lớn Pháp và Mĩ sẽ dễ tạo được thông suốt, sự công nhận tức thời, được nhiều nước thừa nhận. Nếu thế giới đã công nhận quyền độc lập, tự do, dân chủ, bình đẳng của Mĩ, của Pháp thì sẽ phải công nhận quyền độc lập tự do của Việt Nam. Bản tuyên ngôn của Việt Nam đã có một cơ sở pháp lí chính nghĩa rất vững vàng.

Cách trích dẫn ấy còn là chiến thuật sắc bén của HCM\_ khéo léo và kiên quyết. Khéo léo, vì HCM tỏ ra trân trọng những danh ngôn bất hủ của người Pháp, người Mĩ. Kiên quyết vì HCM đã nhắc nhở họ đừng phản bội tổ tiên mình, đừng làm vấy bẩn lên ngọn cờ nhân đạo và chính nghĩa của ngừng cuộc cách mạng vĩ đại. Ngoài ra mở đầu như thế còn có ý nghĩa gọi lên niềm tự hào dân tộc to lớn. Bản tuyên ngôn nước ta đặt ngang hàng với hai bản tuyên ngôn của hai nước lớn: Pháp và Mĩ, tức là đặt ngang hàng ba cuộc cách mạng, ba nền độc lập, ba quốc gia. Thật đáng tự hào, vì cuộc cách mạng tháng Tám 1945 đã giải quyết

nhiệm vụ của cả cách mạng Mĩ(1776) và cách mạng Pháp(1791). Bản tuyên ngôn đã nêu rõ : “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập “, đó là nhiệm vụ của cách mạng Mĩ: đấu tranh giải phóng dân tộc; và “Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”, đó là tinh thần cơ bản của cuộc cách mạng nhân quyền, dân quyền của Pháp.

Hồ Chí Minh chặn đứng ngay âm mưu xâm lược của kẻ thù một cách thấu tình đạt lý trong ý kiến suy rộng ra: “ Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”. Cách suy rộng ra ấy vừa dễ hiểu lại vừa có nghĩa lớn lao đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Ta có thể xem câu suy rộng ra ấy của HCM như phát súng lệnh mở đầu cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa, sẽ làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân vào nửa sau thế kỉ XX. HCM đã kết lại phần mở đầu với một câu nói chắc nịch, thể hiện rõ quan điểm của Người : “Đó là những lẽ phải không ai có thể chối cãi được”. Vậy có nghĩa là, quyền độc lập của dân tộc Việt Nam đăcó một căn cứ sâu xa, một hậu thuẫn vô cùng vững chắc. Cũng có nghĩa là thực dân Pháp không được đi ngược lại với “những lẽ phải” của tổ tiên họ.

Bọn thực dân để chuẩn bị cho cuộc tái chiếm nước ta, chúng đã tung ra trước dư luận thế giới những lí lẽ bịp bợm : Đông Dương vốn là thuộc địa của Pháp, Pháp có công khai hóa đất nước này, nay trở lại là lẽ đương nhiên, khi phát xít Nhật đã bị Đồng Minh đánh bại. Thực dân pháp kể công khai hóa Đông Dương thì bản tuyên ngôn đã bóc trần bản chất cướp nước của chúng bằng một hệ thống dẫn chứng xác đáng, thuyết phục và những lí lẽ đanh thép, hùng hồn. Từ chuyển ý “thế mà” như một điểm tựa, một đòn bẩy bất ngờ hất tung bộ mặt xảo trá của bọn thực dân Pháp, phơi bày chân tướng giấu sau chiêu bài văn minh, khai hóa, bảo hộ thực chất là xâm lược, là cướp nước. Bằng một câu văn chắc gọn: “Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa” , HCM đã kết tội bọn thực dân nói điều nhân nghĩa làm điều phi nghĩa. Để đập tan luận điệu xảo trá này của thực dân, HCM đã đưa ra những dẫn chứng chọn lọc cụ thể, xác đáng, toàn diện vạch ra tội ác dã man, tàn bạo của thực dân pháp chủ yếu trên hai lĩnh vực chính trị và kinh tế.

14 câu văn dẫn ra hàng loạt tội ác điển hình của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ đô hộ nước ta, mà chúng cho là văn minh, khai hóa. Những hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. Tự do dân chủ là quyền cơ bản của con người nhưng từ khi Thực dân Pháp bước chân vào Việt Nam đã “tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào”. Chúng đã biến Việt Nam thành thuộc địa, người dân thành nô lệ. Và còn hàng loạt những chính sách bóc lột vô cùng tàn nhẫn khác được HCM nêu ra: “ Chúng thi hành những luật pháp dã man./ Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học./ Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu. Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”. Cuối cùng chúng gây ra nạn

đôi khiến “từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”. Với những dẫn chứng xác thực, không thể chối cãi được và cách lập luận chặt chẽ, đanh thép, HCM đã kết tội cướp nước của bọn thực dân Pháp một cách hùng hồn. HCM lại đập tan mọi luận điệu xảo trá, bịp bợm mà bọn chúng đã tung ra trước dư luận thế giới.

Nếu thực dân Pháp kể công “bảo hộ” thì bản tuyên ngôn đã lên án : “Thế là chẳng những chúng không bảo hộ được ta, trái lại, trong 5 năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật”. Những dẫn chứng mà HCM đưa ra đều là những sự kiện, bằng chứng lịch sử. Mùa thu năm 1940, Nhật xâm lược Đông Dương thì pháp đã “quì gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật”. Cách dùng từ ngữ đầy mỉa mai của HCM đã vạch trần bản chất bạc nhược, đê hèn của bọn thực dân Pháp. Chính sự thỏa hiệp đó của chúng đã khiến nhân dân ta phải chịu hai tầng xiềng xích : Pháp và Nhật. Ngày 9/3/1945 khi Nhật đảo chính, “bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng” để nước ta rơi vào tay Nhật. Đoạn văn thể hiện sự khôn khéo và tài hùng biện chặt chẽ, vững vàng của HCM trước một bài toán khó liên quan đến vận mệnh của cả dân tộc Việt Nam khi đó. Thực dân Pháp là kẻ thù của ta. Nhưng ta và Pháp lại cùng thuộc Đồng minh, cùng một hàng ngũ. Vừa vừa là kẻ thù, vừa là bạn. HCM đã khéo léo loại bỏ bọn thực dân Pháp ở Đông Dương ra khỏi hàng ngũ Đồng Minh. Thứ nhất, chúng đã bán Việt Nam cho phát xít Nhật để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh. Thứ hai, chúng cự tuyệt liên minh để chống phát xít. Thứ ba, chúng khủng bố những người Đồng Minh chống phát xít. Với những bằng chứng lịch sử rõ ràng, sáng tỏ HCM đã kết tội bọn thực dân Pháp ở Đông Dương phản bội Đồng Minh, không thực hiện nghĩa vụ chống phát xít.

HCM còn khẳng định thực dân Pháp không có quyền quay trở lại Việt Nam bởi Việt Nam đã không còn là thuộc địa của Pháp nữa: “Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa”. Vì Pháp đã bán Việt Nam cho Nhật, Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp. Và “Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp”. Điệp từ “sự thật là” lặp lại như một điệp khúc, làm tăng âm hưởng hùng hồn, đanh thép, chắc chắn cho bản tuyên ngôn. Vì sức mạnh của chính nghĩa bao giờ cũng là sức mạnh của sự thật. Đó là một thành công trong nghệ thuật lập luận chặt chẽ, thuyết phục người đọc của HCM. Thực dân Pháp không có công khai hóa, bảo hộ Việt Nam, Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp, Pháp không thể vin có gì để quay trở lại Việt Nam. Đây là một lập luận hết sức chặt chẽ, kín kẽ; một lí lẽ đanh thép, đầy sức thuyết phục của HCM. Qua đó, ta càng công nhận Tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận sắc sảo, hùng hồn.

Tuy nhiên để làm nên một áng văn chính luận mẫu mực thì chỉ có lập luận và dẫn chứng thôi là chưa đủ. Trong bản tuyên ngôn, để vạch trần tội ác dã man, tàn bạo của bọn thực dân , HCM còn sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh kết hợp với giọng điệu câu văn thay đổi để thể hiện những cung bậc cảm xúc khác nhau. Điều đó góp phần tạo sức thuyết phục cho người

đọc thông qua những cảm xúc giản dị nhất, chân thật nhất của Người. Điều ấy làm cho lời kết tội thêm xúc động thấm thía, nghẹn ngào : “Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”, “Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy”,... Dường như cảm xúc tới đây đã nghẹn lại trong câu văn ngắn, một đoạn văn ngắn. HCM còn sử dụng những từ đồng nghĩa đi song đôi với nhau để khắc sâu hình ảnh đất nước ta sau hơn 80 năm bị thực dân Pháp dày xéo : “Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”. Việc sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh cảm xúc cùng cấu trúc ngữ pháp điệp liên tiếp trong 14 câu văn đã góp phần cho lời kết tội ác thực dân của HCM càng hùng hồn, đánh thép hơn nữa. Những chính sách ấy thực chất đã vi phạm quyền con người. Tuyên ngôn độc lập còn là áng văn chính luận xúc động lòng người được bộc lộ từ tấm lòng yêu nước nồng nàn ở HCM. Tấm lòng ấy đã truyền vào từng lời văn khi tha thiết tự hào, khi hùng hồn đánh thép gây xúc động mạnh mẽ đối với người đọc. Trong đoạn văn kể tội bọn thực dân Pháp giọng văn của HCM chia ra làm hai gam giọng rõ ràng trong từng vế câu văn. Vế câu kể tội ác của giặc thì giọng văn sôi trào, đánh thép, phần nộ căm thù, vế câu nêu hậu quả của người dân Việt Nam phải gánh chịu thì nghẹn ngào, trầm lắng, xót xa, u uất. Những đoạn văn dài ngắn xô đẩy xen kẽ nhau như nhịp cảm xúc lên xuống thồn thức theo đau thương và dồn nén căm hờn, khi lại sôi trào đánh thép. Đoạn văn gợi ta nhớ đến bản chép tội giặc Minh của Nguyễn Trãi xưa : “Độc ác thay trúc Lam Sơn không ghi hết tội/ Dơ bẩn thay nước Đông Hải không rửa hết mùi”. Ta cũng có thể nói như thế với thực dân Pháp. Vì đây không phải lần đầu tiên HCM kết tội thực dân Pháp. Có lẽ đây chỉ là những dòng văn cuối cùng của một “Bản án chế độ thực dân Pháp” mà HCM đã lập hồ sơ từ những năm 20. HCM không luận tội mà kết tội trực tiếp, tuyên án thực dân Pháp trước dư luận thế giới. Có cảm giác HCM như một vị quan tòa đang cất cao lời buộc tội chủ nghĩa thực dân, còn bọn thực dân Pháp hiện ra như bị cáo bị vạch tội trước công luận thế giới.

Từ những lí lẽ trên, HCM trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Quyền tự do, độc lập ấy phù hợp với “lẽ phải không ai chối cãi được”, là kết quả đấu tranh xương máu, bèn bỉ của biết bao con người suốt gần 100 năm. HCM đã khẳng định: “sự thật đã thành nước tự do, độc lập”. Nghĩa là, nền độc lập không phải cái ta cần phải có, mà nó đã là sự thật, ta đã có, đã giành được. Từ nay nước Việt Nam độc lập tự do đã được cả thế giới công nhận. Song do chính quyền cách mạng còn rất non trẻ đã phải đương đầu với bao khó khăn chông chát, vì thế HCM không thể nói như Nguyễn Trãi xưa:

*“Xã tắc từ đây vững bền*

*Giang sơn từ đây đổi mới”.*

Bởi, kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất đe dọa nền độc lập của dân tộc ta khi ấy là bọn thực dân Pháp còn đang

âm mưu tái chiếm nước ta. Đây là nguy cơ ấy sẽ phải là cuộc chiến đấu vũ trang lâu dài của toàn dân. Theo tư tưởng HCM cho rằng : “Độc lập tự do là quyền thiêng liêng nhất, là tài sản quý giá nhất mà mỗi dân tộc cần giành và giữ lấy”. Trong phần tuyên ngôn chính thức này, một lần nữa HCM lại sử dụng cách lập luận hết sức chặt chẽ, sắc sảo của thể loại văn chính luận.

Bản tuyên ngôn chính thức khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nó nêu cao tinh thần, khát vọng tự do, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam, đánh dấu trang sử vẻ vang nhất trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc. Tuyên ngôn độc lập còn là áng văn chính luận mẫu mực của nền văn học Việt Nam.

## BÀI MẪU SỐ 4:

### 1. Mở bài

- Chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, phát xít nhật đầu hàng Đồng minh, dân tộc ta thừa cơ vùng lên giành lại chính quyền . Ngày mùng 2/9/45, tại quảng trường BĐ, CT HCM đã đọc bản TNĐL khai sinh ra nước VNDCCH.

- Bản TNĐL không chỉ là một văn kiện có giá trị lịch sử mà còn là một áng ,văn chính luận mẫu mực, một áng văn tràn đầy tâm huyết cháy bỏng về độc lập, tự do của Người và của cả dân tộc.

### 2. Thân bài

#### 2.1. TNĐL là một văn kiện lịch sử vô giá.

- Trong bối cảnh lịch sử nước ta lúc bấy giờ, bản TNĐL ra đời mang ý nghĩa to lớn, nó là một văn kiện trọng đại, là mốc son chói lọi trong lịch sử nước nhà. Nó đánh dấu sự chấm dứt, sụp đổ hoàn toàn của chế độ TDPK, khép lại một thời kì lịch sử đen tối, nô lệ hàng trăm năm dưới ách đô hộ của TDP, mở ra một kỉ nguyên mới – kỉ nguyên độc lập tự do cho TQ, hạnh phúc ấm no cho nhân dân.

- Mặt khác, với nội dung khái quát sâu sắc, trang trọng cùng tâm vóc của tư tưởng, tâm văn hoá lớn, bản TN ra đời đã khẳng định được vị thế bình đẳng, lập trường chính nghĩa của dân tộc VN trên trường quốc tế, vừa mang ý nghĩa nhân đạo của nhân loại trong thế kỉ XX. Đồng thời đập tan luận điệu xảo trá của bọn thực dân đế quốc, vạch trần dã tâm quay trở lại xâm lược cùng bản chất tàn bạo của chúng trước dư luận quốc tế.

#### 2.2. TNĐL là áng văn chính luận mẫu mực

TNĐL không chỉ là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn mà còn là một áng văn chính luận mẫu mực, nối tiếp rất tự nhiên các áng hùng văn trong quá khứ, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận với chất văn chương.

Sức mạnh và tính thuyết phục của tác phẩm thể hiện chủ yếu ở hệ thống lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, văn phong sắc sảo, giàu tính thẩm mỹ của HCM. Điều đó thể hiện trước hết ở:

##### a) Cách nêu vấn đề vấn khẳng định chân lí khách quan của vấn đề.

- Mục đích: Để nêu vấn đề Nhân quyền, Dân quyền – quyền của con người và quyền của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Người dẫn:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc” (TNDL năm 1776 của Mỹ).

“Người ta sinh ra được tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” (TN NQ & DQ của CM Pháp 1791).

Từ những lời bất hủ của 2 nước, Người suy rộng ra câu ấy có nghĩa là: Tất cả mọi người sinh ra trên trái đất đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hp. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Hai bản TN của P và M thế kỉ XVIII là di sản tư tưởng của nhân loại, đánh dấu buổi bình minh của của cuộc cách mạng tư sản, lật đổ chế độ phong kiến. Nó trở thành nguyên tắc pháp lí, quyền cơ bản của con người không chỉ thuộc về 2 nước mà là nguyên lí chung của cả thế giới.

=> Vì vậy, Người đã lấy 2 bản TN nổi tiếng của lịch sử nhân loại để mở đầu cho bản TN của nước VN, để khẳng định quyền của con người VN, DTVN trước nhân dân tgiới. Suy rộng ra, đó là chân lí khách quan, là lẽ phải không ai chối cãi được.

- Ý nghĩa: Cách viện dẫn của Người mang ý nghĩa sâu sắc, vừa khéo léo, vừa kiên quyết, vừa sáng tạo:

· Khéo léo, kiên quyết ở chỗ: Lấy gậy ông đập lưng ông. Người vừa tỏ ra tôn trọng những danh ngôn bất hủ của họ, vừa nhắc nhở họ đừng phản bội tổ tiên mình, đừng làm vấy bùn lên lá cờ tự do bác ái mà họ đã giương cao trong các cuộc cách mạng vĩ đại của nhân dân họ.

· Khôn khéo và sáng tạo ở chỗ: Người viện dẫn 2 bản TN nổi tiếng của thế giới có nghĩa là Người đã đặt 3 cuộc CM giải phóng dân tộc của 3 nước ngang hàng nhau, ba nền độc lập và 3 bản TN ngang hàng nhau. Đó là mạch ngầm văn bản khiến cho bất cứ ai tinh tế trong nhận định cũng phải giật mình về sự thâm thúy, sâu sắc của Người. Trong bản TN Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi khi xưa, người anh hùng đã khẳng định quyền độc lập của mỗi quốc gia:

*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập*

*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương.*

Rất rạch ròi, rõ ràng và cân xứng. Đó là chân lí bất khả xâm phạm của mỗi nước. Trong bản TN của HCM cũng vậy: Người đặt quyền của 3 nước ngang hàng nhau là thể hiện niềm tự



tôn, tự hào DT, khẳng định vị thế của một đất nước đầy kiêu hãnh trước TG. Đó là hành động CM táo bạo, tài tình trong xử thế chính trị của Ng.

· Sáng tạo ở chỗ: Người nâng vấn đề Nhân quyền và Dân quyền lên tầm vóc cao hơn, rộng hơn. Từ quyền bình đẳng, tự do, hạnh phúc cá nhân nâng lên thành vấn đề quyền của các dân tộc. “Suy rộng ra ... Tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do...”. Cụm từ Suy rộng ra thể hiện chất trí tuệ sắc bén, đánh thép như một “phát súng lệnh khởi đầu cho sự tan rã của hệ thống thuộc địa thế giới” (NĐM), là đòn đánh phủ đầu vào âm mưu tái chiếm của P và sự can thiệp của các thế lực vào nền độc lập, tự chủ của VN, đồng thời tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của quốc tế. Nhà XB sự thật năm 1967 trang 96 cũng viết: “Cống hiến lớn nhất của HCM là ở chỗ: Người đã nhìn quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền quyết định lấy vận mệnh của riêng mình”.

=> Cách viện dẫn bằng những danh ngôn bất hủ của 2 cường quốc là một hành động cách mạng táo bạo, là tài nghệ sáng suốt của HCM. Có thể nói, đoạn mở đầu bản TN tiêu biểu cho vẻ đẹp văn chương chính luận mẫu mực của Người.

### b) Cách tác giả luận tội kẻ thù

Luận điệu của P khi quay trở lại Đông Dương và lấy lại VN là: “VN vốn là thuộc địa của P, P có công khai hoá văn minh và bảo hộ nước ta nên dân ta phải mang ơn chúng”. Nhưng, bằng những lí lẽ sắc sảo, lập luận chặt chẽ, bằng chứng thực tiễn hùng hồn, tác giả đã chứng minh cho cả thế giới thấy rằng, trên thực tế P không hề có quan hệ pháp lí, đạo lí gì với VN bởi chúng là kẻ đi xâm lược:

#### **Thứ nhất: Người lên án tố cáo tội ác của TDP đối với Đông Dương,**

Người vạch trần bản chất lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái để cướp nước ta, áp bức đồng bào ta của chúng. Đó là hành động phi nghĩa, phi nhân đạo

+ Bóc lột về kinh tế: chúng bóc lột nhân daâ ta tới tận xương tuỷ, cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu; độc quyền in giấy bạc và xuất nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, không cho các nhà tư sản của ta góc đầu dây...

+ Đàn áp về chính trị: chúng tuyệt đối không cho chúng ta một chút quyền tự do nào, chúng thi hành pháp luật dã man, chia để ctri, chúng tấm các cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu...

+ Nô dịch về văn hoá: chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, dung thuốc phiện, rượu cồn để làm suy nhược giống nòi...

Tội ác của chúng gây ra ở mọi mặt của đời sống, ở mọi đối tượng nông dân, công nhân, thợ thủ công. Kết quả gây ra nạn đói khủng khiếp năm 45 từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói.

- Người nhắc đi nhắc lại những tội ác khác nhau của chúng bằng các điệp ngữ và động từ mạnh: chúng thi hành ... chúng lập ra ... chúng chém giết ... chúng tắm ... chúng ràng buộc ... chúng dùng ... chúng độc quyền ... chúng không cho ... chúng bóc lột ...; kết hợp với giọng điệu đanh thép liên hoàn, trùng điệp làm nổi bật lên tội ác chồng chất của TDP. Đoạn văn luận tội TDP với lời lẽ rào rạt có thể sánh với đoạn kể tội ác của bọn xâm lược N-M trong áng thiên cổ hùng văn của NT.

## **Thứ 2: Người vạch trần bản chất hèn nhát, xảo trá, của TDP.**

TDP từng huyênh hoang bảo hộ, khai hóa văn minh cho nước ta, nhưng Người đã chứng minh: Mùa thu 1940 Nhật xâm lược nước ta, Pháp quì gối đầu hàng, thua chạy. Kết quả trong 5 năm chúng bán nước ta 2 lần cho Nhật. Vậy P bảo hộ hay hèn nhát? P có công hay có tội? Người khẳng định trên thực tế, VN không còn là thuộc địa của P nữa và “dân ta đã lấy lại nước VN từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp”. Đó là những sự thật lịch sử đầy sức thuyết phục. Người lấy đi lấy lại rất nhiều lần 2 chữ sự thật ... sự thật là... sự thật là... vì không có lí lẽ nào cao hơn lí lẽ của sự thật.

Hơn nữa, bản TN còn ca ngợi cuộc đấu tranh chính nghĩa và tinh thần nhân đạo của dân tộc ta. Người đưa ra những mặt đối lập làm nổi bật bản chất giữa ta và địch: Khi Nhật Vào ĐD, P phản bội Đồng Minh, đầu hàng phát xít Nhật thì nhân dân VN đã “dũng cảm đứng về phía ĐM chống phát xít”. “Trước ngày 9/3 biết bao lần VM kêu gọi người P liên minh chống N, bọn TDP không đáp ứng lại mà còn thẳng tay khủng bố VM hơn nữa...”. Trái lại, Ta cứu giúp, bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ. Như vậy, ai bảo hộ ai? Những hành động ấy chẳng phải đã chứng minh bản chất vô nhân đạo, hèn nhát của chúng và tinh thần chính nghĩa, thái độ khoan hồng, nhân đạo của ta?

## **c) Người khẳng định nền độc lập của VN thông qua chính nghĩa sáng ngời của cuộc CMT8, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, đánh đổ chủ nghĩa thực dân phong kiến để giành độc lập.**

Chỉ bằng 9 chữ “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị” câu văn đã tóm lược đầy đủ các sự kiện và dựng lại cả một giai đoạn lịch sử đầy biến động và vô cùng oanh liệt của dân tộc, đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm, đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ VNDCCH như một tất yếu lịch sử. Đó cũng chính là lời tuyên bố về quyền làm chủ chính đáng của nhân dân VN và khẳng định vị trí xứng đáng của dtVN trên trường quốc tế. Bởi lẽ: “Các nước ĐM đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn quyết không thể không công nhận

quyền độc lập của dân tộc VN.” Và “Một dân tộc đã gan góc chống ách đô hộ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã anh dũng đứng về phe ĐM chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do? Dân tộc đó phải được độc lập”.

**d) Tuyên ngôn về nền độc lập của VN và khẳng định ý chí quyết tâm bảo vệ, giữ gìn nền độc lập của toàn dân VN.**

Từ cơ sở pháp lí, cơ sở thực tiễn Người đồng đặc, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước VN có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc VN quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”. Như vậy Người không chỉ tuyên bố về nền độc lập của dân tộc VN mà còn nêu rõ ý chí sắt đá của toàn thể nhân dân VN cũng đồng thời là lời cảnh báo đối với kẻ thù rằng: để bảo vệ thành quả, dân tộc VN quyết đem tất cả tinh thần, lực lượng, tính mạng để bảo vệ, giữ vững nền tự do độc lập ấy.

Lời kết như sấm truyền cảnh báo cho kẻ thù từ ngàn xưa vọng về tinh thần bất khả xâm phạm của dân tộc: “Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm/ Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”.

**\* Đánh giá chung**

TNĐL là áng văn chính luận sắc sảo mà giàu tính thẩm mỹ, có sức thuyết phục, lay động hàng triệu trái tim yêu nước VN bởi TN là cả trái tim yêu nước nóng ấm của Chủ tịch HCM. Nhà thơ Tố Hữu đã viết về giây phút xúc động thiêng liêng khi CT HCM đọc Bản TNĐL :

*Người đứng trên đài lặng phút giây*

*Trông đàn con đó vẫy hai tay*

*Cao cao vầng trán ngời đôi mắt*

*Độc lập bây giờ mới thấy đây.*

Đọc bản TNĐL chúng ta nhận ra dòng cảm xúc lặng phút giây ẩn sau mạch lập luận và hệ thống lí lẽ sắc sảo, đanh thép đó. Mỗi dòng chữ chan chứa niềm tự hào khi sánh CM dân tộc với những cuộc CM lớn trên TG. Mỗi dòng chữ là một niềm hạnh phúc vô biên khi đất nước đã được tự do độc lập. Mỗi dòng chữ cũng là những đau đớn, nhức nhối khi nhìn lại bao thảm cảnh lầm than của nhân dân suốt hơn 80 năm rên xiết dưới gót giày thực dân và phát xít.

- Khi luận tội kẻ thù , Người thể hiện thái độ căm phẫn.

- Người xót thương khi nói đến nỗi đau của dân tộc: chúng chém giết, tắm các cuộc khởi nghĩa trong bể máu, nòi giống ta suy nhược, dân ta nghèo, thiêu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều...
- Khi nói đến quyền hưởng tự do, độc lập cũng như quyết tâm đến cùng để bảo vệ nền độc lập ấy, tình cảm của Người tha thiết, mãnh liệt.
- Tóm lại, giọng điệu khi nồng nàn tha thiết, khi xót xa thương cảm, khi hùng hực căm thù, khi hào sảng khích lệ, tất cả làm nên một áng thiên cổ hùng văn của thời đại mới - thời đại HCM.

### 3. Kết luận

TNĐL không những là một tác phẩm chính luận mẫu mực, có giá trị lịch sử to lớn mà còn có thể coi là một áng thiên cổ hùng văn trong nền văn học nước nhà. Đó là một kiệt tác bằng cả tâm huyết, tài hoa và trí tuệ của Người thầy vĩ đại của dân tộc. Sức thuyết phục của áng văn đối với người đọc không chỉ ở hệ thống lập luận sắc sảo mẫu mực của nó mà còn ở tình cảm chan chứa, sâu sắc của tác giả bài viết, “là nỗi niềm của cả một dân tộc vừa được hồi sinh”.